

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày 27-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Hậu

2. Bà Thân Thị Lựa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quang Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn T, sinh năm 1997 tại xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKH và nơi ở: Thôn T, xã Tâ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 10/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Phạm Văn T (đã chết); con bà Thân Thị N, sinh năm 1975; vợ: Lò Thị H, sinh năm 1987; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trịnh Văn C, sinh năm 1992 tại xã Đ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKH và nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Trịnh Văn K, sinh năm 1964; con bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962; vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1999; bị cáo có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Tạ Thị D, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

+ Trịnh Văn Ư, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Bắc Giang,

tỉnh Bắc Giang (Văng mặt).

+ Phạm Văn S, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Văng mặt).

+ Trịnh Văn M, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (Văng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 45 phút ngày 19/01/2019, tại thôn Y, xã T, huyện Yên Dũng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành kiểm tra phát hiện bị cáo Trịnh Văn C đang có hành vi vận chuyển pháo nổ, tang vật thu giữ gồm: 05 bộ pháo màu đỏ hình lập phương nghi là pháo nổ được lập biên bản niêm phong trong 01 thùng giấy, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 và 01 chiếc xe mô tô BKS 98B1-436.32.

Tiến hành đấu tranh khai thác nhanh, C khai nhận số pháo bị thu giữ trên là C mua của chị Tạ Thị D với giá 400.000 đồng một bộ. Sau đó, C đem đi bán cho bị cáo Phạm Văn T để T đem bán kiếm lời, khi C và T vận chuyển pháo đến thôn Y, xã T, huyện Yên Dũng thì bị phát hiện bà bị bắt giữ, còn T bỏ trốn. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Tạ Thị D, cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ gì.

Cùng ngày 19/01/2019, bị cáo Phạm Văn T đến Công an huyện Yên Dũng đầu thú và giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave BKS 98B2-496.57 và khai đã gọi điện thoại cho Trịnh Văn U là em trai của C để hỏi mua pháo, khi T đến địa điểm hẹn giao pháo thì do không có tiền nên T bảo C chở pháo đi theo T giao cho khách để lấy tiền thì bị phát hiện.

Ngày 21/01/2019, Công an điều tra Công an huyện Yên Dũng đã ra quyết định trưng C giám định gửi đến Viện khoa học hình sự Bộ công an để giám định đối với số pháo đã thu giữ trên. Tại bản kết luận giám định số: 412/C09-P2 ngày 21/01/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: “*Các mẫu vật gửi giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ)*”.

Kết quả điều tra xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/01/2019, bị cáo Phạm Văn T đang ở nhà thì có một người đàn ông không quen biết gọi điện thoại cho T hỏi mua 7 bộ pháo. T nói với người đàn ông này là để T hỏi sau đó T gọi điện thoại cho C hỏi mua 07 bộ pháo thì C đồng ý. Sau đó C đến nhà Tạ Thị D để hỏi mua pháo thì D nói chỉ còn 05 bộ pháo, giá mỗi bộ là 400.000 đồng. T đã thông báo cho C biết là chỉ còn 05 bộ và giá tiền mỗi bộ pháo là 500.000 đồng, T gọi điện thoại thông báo lại cho người đàn ông hỏi mua pháo biết là chỉ còn 05 bộ pháo, giá mỗi bộ pháo là 600.000 đồng thì người đàn ông này đồng ý mua và hẹn T giao hàng ở xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng.

Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Trịnh Văn C điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream BKS 98B1-436.32 chở theo 05 bộ pháo đi đến khu

vực bờ đê Sông Thương để giao pháo cho Phạm Văn T, T điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave BKS 98B2-496.57 đi đến gặp C để nhận pháo. T nói với C là chưa giao hàng cho khách nên chưa có tiền trả cho C và nhờ C chở pháo đến giao cho khách rồi lấy tiền, C đồng ý chở pháo đi theo T. Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, khi C và T đi đến địa phận thôn Y, xã T, huyện Yên Dũng thì bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Yên Dũng phát hiện bắt giữ C và tang vật.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Trịnh Văn C thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKSYD ngày 03/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Trịnh Văn C về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190- Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, các bị cáo không bị oan. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trịnh Văn U vắng mặt tại phiên tòa nhưng các lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 19/01/2019, anh đi có việc riêng ở thành phố Bắc Giang chứ không có ở nhà, bản thân anh không dùng điện thoại nên không có việc anh giao dịch với T để thỏa thuận việc mua bán pháo và anh cũng không hề biết việc mua bán pháo giữa T và C. Ngoài ra Trịnh Văn Ước không có ý kiến nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phạm Văn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng các lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS 98B2-496.57 có đăng ký tên bà Ninh là mẹ của anh, tuy nhiên mẹ anh đã cho anh chiếc xe này. Anh có cho bị cáo T mượn chiếc xe mô tô này để đi nhưng anh không biết việc bị cáo T sử dụng chiếc xe mô tô của anh vào việc đi mua pháo. Nay, anh đã được nhận lại chiếc xe mô tô trên nên anh không có yêu C gì. Ngoài ra anh Phạm Văn S không có ý kiến nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trịnh Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng các lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Anh có mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, BKS 98B1- 436.32 của bị cáo C từ ngày 13/6/2018, khi mua bán hai bên có làm giấy tờ nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 19/01/2019, bị cáo C có hỏi mượn anh chiếc xe mô tô này để đi có việc và anh đã đồng ý. Tuy nhiên, anh không biết việc bị cáo C đã sử dụng chiếc xe mô tô của anh vào việc đi mua pháo. Nay, anh đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng trả lại chiếc xe mô tô trên nên anh không có yêu C, đề nghị gì. Ngoài ra anh Trịnh Văn M không có ý kiến nào khác.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, nhân thân các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T và Trịnh Văn C phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng: Điều c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T từ 16 tháng đến 18 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 tháng đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn C từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trịnh Văn C cho UBND xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nolia 1280 màu đen. Tịch thu tiêu hủy 03 khối hộp, vỏ bằng giấy màu, bên trong mỗi khối hộp gồm 36 vật hình trụ, vỏ giấy được liên kết với nhau đựng trong 01 thùng bìa cát tông được niêm phong còn lại sau giám định (do đã trích lại 02 khối hộp để giám định).

Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Trịnh Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, đại diện VKSND huyện Yên Dũng còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các T liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Hồi 18 giờ 45 phút ngày 19/01/2019, tại thôn Y, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng Công an huyện Yên Dũng bắt quả tang Trịnh Hữu C cùng Phạm Văn T có hành vi vận chuyển trái phép 05 hộp pháo (mỗi hộp 36 quả) là loại pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ có tổng khối lượng là 07kg là loại pháo do nhà nước cấm sản

xuất, mua, vận chuyển, tàng trữ với mục đích đem đi bán để kiếm lời thì bị cơ quan điều tra Công an huyện Yên Dũng phát hiện bắt quả tang và thu giữ tang vật.

[3] Xét tính chất của vụ án: Vụ án này có 02 bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, đây là vụ án đồng phạm nhưng có tính chất giảm đơn. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm (trong đó có pháo nổ), đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Nhà nước ta đó có nhiều chủ trương đẩy mạnh việc nghiêm cấm các hành vi sản xuất, tàng trữ, buôn bán, vận chuyển pháo nổ. Chúng ta đều biết, mọi hành vi liên quan đến việc sản xuất, tàng trữ, buôn bán, vận chuyển và sử dụng trái phép pháo nổ và thuốc pháo đều bị Nhà nước nghiêm cấm, bởi chúng có những tác động tiêu cực đến đời sống xã hội, trực tiếp đe dọa an toàn tính mạng, sức khỏe, T sản của mọi cá nhân, tổ chức. Các phương tiện thông tin đại chúng thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, cảnh báo mọi người dân phải tránh xa và phải nghiêm túc thực hiện các quy định của Nhà nước về vấn đề này. Đấu tranh phòng chống việc sản xuất, tàng trữ, buôn bán, vận chuyển và sử dụng trái phép pháo nổ và thuốc pháo là nhiệm vụ của mọi công dân và của toàn xã hội. Tổng số pháo các bị cáo buôn bán là 07kg. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét vai trò phạm tội của từng bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo Trịnh Văn C có vai trò cao hơn, bởi lẽ bị cáo là người tích cực tìm và cung cấp nguồn pháo để bán lại cho bị cáo T kiếm lời. Bị cáo Phạm Văn T có vai trò đứng thứ hai trong vụ án khi đã hỏi và mua lại pháo của bị cáo C với mục đích sẽ bán lại kiếm lời.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Đối với bị cáo Phạm Văn T đã tự nguyện ra cơ quan điều tra đầu thú khi vụ việc bị phát hiện; bị cáo Trịnh Văn C được khen thưởng trong quá trình lao động sản xuất nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm do các bị cáo thực hiện, lẽ ra phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, HĐXX thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Bản thân các bị cáo hiểu biết pháp luật còn hạn chế, chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa

phương cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[9] Đối với Trịnh Văn U không thừa nhận có thỏa thuận mua bán pháo với bị cáo T. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa T và U nhưng U không thừa nhận. Ngoài lời khai của T ra thì không có chứng cứ nào khác nên cơ quan điều tra không xử lý đối với Trịnh Văn U là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[10] Đối với Tạ Thị D, cơ quan điều tra đã xác minh hiện D không có mặt ở địa phương, gia đình và địa phương cũng không rõ hiện D đang ở đâu. Đến nay chưa đủ căn cứ để xử lý đối với D nên cơ quan điều tra đã tách hành vi của D để khi nào làm rõ được sẽ xem xét xử lý theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[11] Trong vụ án này còn có đối tượng gọi điện thoại liên lạc với T để mua pháo, cơ quan điều tra xác định là Lữ Văn Đ, sinh năm 1991 ở thôn B, xã N, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Cơ quan điều tra đã xác minh điều tra nhưng hiện tại Đức không có ở địa phương, không xác định được làm gì ở đâu nên không có căn cứ để xử lý, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[12] Đối với anh Phạm Văn S đã có hành vi cho bị cáo Phạm Văn T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS 98B2-496.57. Tuy nhiên, anh S không biết bị cáo T sử dụng chiếc xe mô tô trên vào việc đi buôn bán pháo nổ nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh S là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[13] Đối với Trịnh Văn M đã có hành vi cho bị cáo Trịnh Văn C mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, BKS 98B1- 436.32. Tuy nhiên, anh M không biết bị cáo C sử dụng chiếc xe mô tô trên vào việc đi buôn bán pháo nổ nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh M là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[14] *Về vật chứng của vụ án:* Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nolia 1280 màu đen là những vật chứng bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

Đối với 03 khối hộp, vỏ bằng giấy màu, bên trong mỗi khối hộp gồm 36 vật hình trụ, vỏ giấy được liên kết với nhau đựng trong 01 thùng bìa cát tông được niêm phong còn lại sau giám định (do đã trích lại 02 khối hộp để giám định) là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Trịnh Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T và Trịnh Văn C phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn C 14 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 13 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo Trịnh Văn C cho UBND xã Đ, thành phố Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND xã T, huyện Yên Dũng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nolia 1280 màu đen.

Tịch thu tiêu hủy 03 khối hộp, vỏ bằng giấy màu, bên trong mỗi khối hộp gồm 36 vật hình trụ, vỏ giấy được liên kết với nhau đựng trong 01 thùng bìa cát tông được niêm phong còn lại sau giám định (do đã trích lại 02 khối hộp để giám định).

(Vật chứng của vụ án như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng).

- *Về án phí:* Áp dụng Điều 135, 136 - BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Văn T và Trịnh Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, 332 và 333- BLTTHS

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu C thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi Cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán

Nguyễn Ngọc Oanh